

Bản án số: 35/2023/HS-ST

Ngày 13/7/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đăng Huy

Thẩm phán: Ông Phạm Anh Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Dung

Ông Dương Đức Trọng

Ông Hoàng Sĩ Quang

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Hải Long – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương

- Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Phạm Duy Thoi - Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 39/2023/TLST-HS ngày 31 tháng 5 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2023/TLST-HS ngày 03 tháng 7 năm 2023 đối với bị cáo:

Tô Thị V, sinh năm 1984 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Thôn K, xã D, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; chỗ ở: Khu T, thị trấn K, huyện B, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tô Quang T và bà Nguyễn Thị Kim T; không có chồng; có 02 con; tiền sự: Không;

Tiền án:

- Tại Bản án số 24/2014/HSST ngày 25/12/2014, bị Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 09 tháng tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

- Tại Bản án số 157/2015/HSST ngày 26/5/2015, bị Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 05 năm 06 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản (tái phạm), tổng hợp hình phạt 09 tháng tù của Bản án số 24/2014/HSST ngày 25/12/2014 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Đắk Lắk,

hình phạt chung của 02 bản án đối với Tô Thị V là 06 năm 03 tháng tù. V chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/6/2020.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01/11/2022, ngày 10/11/2022 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương đến nay. (Có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Luật sư Vương Đình P – Văn phòng luật sư Đ, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Hải Dương; địa chỉ: Số 329 phố T, thành phố H, tỉnh Hải Dương. (Có mặt)

- *Bị hại:*

1. Anh Nguyễn Quốc T, sinh năm 1988 và chị Hoàng Thị D, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương.

2. Anh Quách Phương N1, sinh năm 1981 và chị Phạm Thị N2, sinh năm 1982; địa chỉ: Khu T, thị trấn K, huyện B, tỉnh Hải Dương.

(Bị hại đều vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối tháng 8/2022, anh Nguyễn Quốc T, sinh năm 1988, trú tại thôn L, xã Thúc Kháng, huyện B, tỉnh Hải Dương là Giám đốc Công ty TNHH vàng bạc DT, thuê Tô Thị V làm kế toán nhưng hai bên không ký hợp đồng lao động. Do công ty chưa đăng ký tài khoản ngân hàng nên V đặt vấn đề hỗ trợ anh T đến ngân hàng A làm thủ tục mở tài khoản của công ty, mục đích để biết được thông tin về tài khoản này và đăng ký thêm thông tin của mình vào tờ khai đăng ký tài khoản để chiếm quyền quản lý tài khoản từ đó chiếm đoạt tiền trong tài khoản. Ngày 16/9/2022, V và anh T đến ngân hàng A làm thủ tục mở tài khoản cho công ty, số tài khoản là 9195968888 mang tên Công ty TNHH vàng bạc DT, chủ tài khoản là anh Nguyễn Quốc T. Khi làm thủ tục mở tài khoản ngân hàng, V đã đăng ký số điện thoại 0379.478.400 và email msvan260484@gmail.com của V để nhận mã SAFEKEY (mã bảo vệ) và nhận sao kê qua địa chỉ email. Sau khi hoàn thiện việc đăng ký tài khoản, V bảo anh T cung cấp mật khẩu đăng nhập dịch vụ ngân hàng và chiếm quyền quản lý, sử dụng tài khoản. Do anh T có nhu cầu vay vốn ngân hàng nên V nói với anh T cần nạp tiền vào tài khoản để tạo biến động số dư và chứng minh tài chính khi làm thủ tục vay tín chấp. Tin tưởng thông tin do V đưa ra nên từ ngày 16/9/2022 đến ngày 24/10/2022, anh T và vợ là chị Hoàng Thị D, sinh năm 1993 đã 07 lần nộp tiền vào tài khoản ngân hàng của công ty TNHH vàng bạc DT với tổng số tiền 580.000.000 đồng và chuyển từ tài khoản ngân hàng V số 0341006960641 của anh T đến tài khoản

ngân hàng A số 181007666666 của Công ty NTMT với số tiền 19.910.000 đồng. Trong đó, ngày 16/9/2022 chuyển 10.000.000 đồng, ngày 23/9/2022 chuyển 20.000.000 đồng, ngày 05/10/2022 chuyển 100.000.000 đồng, ngày 16/10/2022 chuyển 50.000.000 đồng, ngày 21/10/2022 chuyển 200.000.000 đồng, ngày 23/10/2022 chuyển 200.000.000 đồng và ngày 24/10/2022 chuyển 19.910.000 đồng. Sau khi vợ chồng anh T chuyển tiền đến 02 tài khoản trên, V chuyển 600.160.000 đồng đến 02 tài khoản ngân hàng V số 1032512222 và tài khoản ngân hàng S số 060276473886 của mình (trong tài khoản của công ty đã có 250.000 đồng). Sau đó để vợ chồng anh T không nghi ngờ, V nói cần chuyển tiền từ tài khoản của công ty đến tài khoản của chị D để tạo sự biến động số dư trong tài khoản của Công ty là cơ sở để ngân hàng cho vay vốn, nên ngày 01/10/2022 V chuyển 20.000.000 đồng đến tài khoản ngân hàng Vietinbank số 106870642704 và ngày 10/10/2022, V chuyển 100.000.000 đồng tài khoản ngân hàng MB Bank số 9890124568888 của chị D.

Cũng trong thời gian trên, qua mạng xã hội, V biết anh Quách Phương N1, sinh năm 1981, trú tại Khu T, thị trấn K, huyện B, tỉnh Hải Dương có nhu cầu thành lập công ty nên giữa tháng 10/2022 V đã hướng dẫn anh N1 làm thủ tục và được Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Hải Dương cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty NTMT có địa chỉ ở đường P, KĐT G, thị trấn K, huyện B, tỉnh Hải Dương, người đại diện theo pháp luật là anh Quách Phương N1 – Giám đốc công ty. Ngày 19/10/2022, V hướng dẫn và cùng anh N1 đến ngân hàng A chi nhánh B để mở tài khoản số 181007666666 đứng tên công ty NTMT. Với thủ đoạn tương tự như đối với anh T, khi làm thủ tục mở tài khoản ngân hàng, V đã kê khai số điện thoại và địa chỉ email của mình để đăng ký nhận mã SAFEKEY và nhận sao kê tài khoản rồi bảo anh N1 cung cấp mật khẩu đăng nhập dịch vụ ngân hàng và chiếm quyền quản lý, sử dụng tài khoản. Khi anh N1 có nhu cầu vay vốn ngân hàng, V bảo anh N1 cần nạp tiền vào tài khoản của công ty để tạo biến động số dư và chứng minh tài chính khi làm thủ tục vay tín chấp, anh N1 tin tưởng nên trong ngày 19/10/2022 và 24/10/2022 đã 02 lần nạp tiền vào tài khoản của công ty NTMT với tổng số tiền 220.000.000 đồng. Khi nhận được thông báo của ngân hàng trên điện thoại về biến động số dư, trong các ngày 19/10/2022 và 24/10/2022 V đã chuyển 239.910.000 đồng từ tài khoản ngân hàng của công ty NTMT (trong đó có 19.910.000 đồng do anh T chuyển đến vào ngày 24/10/2022) đến tài khoản ngân hàng V số 1032512222 của V và chiếm đoạt.

Số tiền chiếm đoạt của vợ chồng anh T và vợ chồng anh N1, V nạp vào tài khoản game đánh bạc thông qua việc truy cập vào trang web

www.bigwin89.com và bị thua hết. Ngày 01/11/2022, V đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản cáo trạng số 48/CT-VKS-P1 ngày 31/5/2023, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương (viết tắt là VKS) đã truy tố ra trước Tòa án Tô Thị V về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự (viết tắt là BLHS).

Tại phiên tòa:

- Bị cáo Tô Thị V khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, nhất trí số tiền chiếm đoạt, tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ như VKS truy tố, đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Người bào chữa cho bị cáo trình bày lời bào chữa: Nhất trí tội danh, điều khoản, tình tiết tăng nặng như bản luận tội của VKS. Về tình tiết giảm nhẹ, đề nghị HĐXX xem xét bị cáo tự thú, giúp đỡ cơ quan pháp luật nhanh chóng giải quyết vụ án, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, đang nuôi hai con nhỏ để xử bị cáo ở mức khởi điểm của khung hình phạt.

- Các bị hại đều vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đề nghị xét xử đúng người, đúng tội và yêu cầu bị cáo trả lại số tiền đã chiếm đoạt.

- Đại diện VKS phát biểu lời luận tội: Sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, đại diện VKS giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị HĐXX: Về tội danh, tuyên bố Tô Thị V phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Về hình phạt chính, áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h (tái phạm) khoản 1 Điều 52; Điều 38 BLHS, xử phạt Tô Thị V 13 năm đến 13 năm 6 tháng tù, thời hạn tù tính ngày 01/11/2022. Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng. Về trách nhiệm dân sự, áp dụng khoản 1 Điều 48 BLHS; 584, 585, 586 BLDS, buộc bị cáo có trách nhiệm trả cho anh T và chị D số tiền 479.704.000 đồng, trả cho anh N1 và chị N2 số tiền 219.500.000 đồng. Về xử lý vật chứng: 01 điện thoại của bị cáo dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước. Về án phí, Tô Thị V phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an tỉnh Hải Dương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương,

Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã cơ bản thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã khai báo, người bào chữa không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[1.2] Tại phiên tòa các bị hại đều vắng mặt, có đơn đề nghị vắng mặt và có lời khai trong hồ sơ vụ án nên HĐXX quyết định xét xử vắng mặt những người này là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi: Lời khai của bị cáo cơ bản phù hợp với lời khai của bị hại, sao kê tài khoản ngân hàng cùng những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở kết luận: Trong thời gian từ tháng 8/2022 đến tháng 10/2022, Tô Thị V hướng dẫn và cùng các anh Nguyễn Quốc T, anh Quách Phương N1 đến ngân hàng mở tài khoản của Công ty TNHH vàng bạc DT và công ty NTMT. Lợi dụng sự tin tưởng của anh T, anh N1, V đã chiếm quyền quản lý, sử dụng tài khoản ngân hàng của 02 công ty và đưa ra thông tin gian dối về việc cần nộp tiền vào tài khoản ngân hàng để tạo sự biến động số dư và chứng minh tài chính làm cơ sở để ngân hàng cho vay vốn. Tin tưởng V nên vợ chồng anh T, anh N1 đã chuyển tiền vào tài khoản của 02 công ty theo hướng dẫn của V và bị V chiếm đoạt tổng số tiền 699.204.000 đồng. Cụ thể anh T, chị Duyên chuyển vào tài khoản công ty 599.910.000 đồng, V chuyển tiền từ tài khoản công ty vào tài khoản cá nhân của V, sau đó chuyển lại cho chị D 120.000.000 đồng, sau khi V chuyển tiền đi số dư tài khoản công ty còn 206.000 đồng, V chiếm đoạt của anh T, chị D 479.704.000 đồng; anh N1, chị N2 chuyển vào tài khoản công ty 220.000.000 đồng, V chuyển tiền từ tài khoản công ty vào tài khoản cá nhân của V, sau khi V chuyển tiền đi số dư tài khoản công ty còn 500.000 đồng, V chiếm đoạt của anh N1, chị N2 số tiền 219.500.000 đồng.

[3] Về tội danh: Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì vụ lợi bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Số tiền bị cáo chiếm đoạt của các bị hại tổng là 699.204.000 đồng nên hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 BLHS. Do đó VKS tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo nhiều lần dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của các bị hại nên phải chịu tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS. Bị cáo có 02 tiền án bị xử phạt về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản và Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tại bản án số 157 năm 2015, Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Đắk Lắk đã xét xử bị cáo về các hành vi

phạm tội xảy ra trước hành vi bị cáo bị xét xử tại bản án số 24 năm 2014 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Đắk Lắk nên Tòa án M xác định bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm là chưa chính xác. Do đó lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm và phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS. Sau khi phạm tội, bị cáo đã ra đầu thú; quá trình điều tra và tại phiên tòa cơ bản thành khẩn khai báo nên áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo ra trình diện, khai báo sau khi bị hại tố giác tội phạm và việc bị cáo khai nhận hành vi phạm tội đã được xem xét áp dụng tình tiết tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS, vì vậy không có cơ sở chấp nhận đề nghị của người bào chữa về việc áp dụng điểm r, t khoản 1 Điều 51 BLHS cho bị cáo.

[5] Về hình phạt chính: Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm, xâm phạm đến quyền tài sản của người khác. Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì cần cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian dài mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Hiện nay bị cáo không có thu nhập, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo chiếm đoạt của anh T và chị D 479.704.000 đồng, chiếm đoạt của anh N1 và chị N2 219.500.000 đồng đến nay chưa trả; các bị hại yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền đã chiếm đoạt. Căn cứ Điều 48 BLHS, cần buộc bị cáo trả lại toàn bộ số tiền nêu trên cho các bị hại.

[8] Về xử lý vật chứng: 01 điện thoại thu giữ được là của bị cáo, bị cáo dùng vào việc phạm tội nên căn cứ Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS, cần tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

[9] Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm.

[10] Nội dung khác: Đối với hành vi đánh bạc của Tô Thị V, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hải Dương đã ủy thác điều tra đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an các tỉnh, thành phố: Kiên Giang, Đắk Nông, Bắc Giang, Hồ Chí Minh...đến nay chưa có kết quả. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hải Dương đã ra quyết định tách hành vi, tài liệu số 03 ngày 30/5/2023 và chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B để thụ lý, giải quyết nguồn tin tội phạm có dấu hiệu tội đánh bạc là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố Tô Thị V phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.
2. Về điều luật: Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự;
3. Về hình phạt: Xử phạt Tô Thị V 13 (mười ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 01/11/2022.
4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, buộc Tô Thị V trả cho anh Nguyễn Quốc T và chị Hoàng Thị D số tiền 479.704.000 đồng (bốn trăm bảy mươi chín triệu bảy trăm không bốn nghìn đồng); trả cho anh Quách Phương N1 và chị Phạm Thị N2 số tiền 219.500.000 đồng (hai trăm mười chín triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án khoản tiền trên mà người phải thi hành án chậm thi hành thì phải trả lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành được xác định theo khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A11 màu xanh, Imei1 số 356418113151181, Imei2 số 356419113151189; lắp 02 sim số 0379.478.400 và 0359.207.100.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/7/2023 giữa Công an tỉnh Hải Dương và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương)

6. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

Bị cáo Tô Thị V phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm; 31.968.000 đồng (ba mươi một triệu chín trăm sáu mươi tám nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I – TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Trại tạm giam – CA tỉnh Hải Dương
- Phòng HSNV – CA tỉnh Hải Dương;
- Văn phòng CQCSĐT – CA tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- Bị cáo (qua TTG);
- Người bào chữa;
- Bị hại;
- Lưu: Hồ sơ, VP, THS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Bùi Đăng Huy